

**QUẢN LÝ HỌC SINH BÁN TRÚ Ở TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ,
HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN
(PHÁT TRIỂN ĐỀ TÀI NĂM TRƯỚC)**

**Tác giả: Trần Trường Sơn
Hiệu trưởng trường THPT Mường Nhà**

A. MỤC ĐÍCH, SỰ CẦN THIẾT

Đất nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam sẽ từ một nước nông nghiệp về cơ bản trở thành nước công nghiệp, hội nhập quốc tế. Nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là con người, là nguồn lực người Việt Nam được phát triển về số lượng và chất lượng trên cơ sở mặt bằng dân trí đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc này bắt đầu từ Giáo dục phổ thông, mà trước hết bắt đầu từ việc xác định những gì đạt được đối với người học sau một quá trình giáo dục đào tạo trong mỗi nhà trường. Trong thời đại mới cần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thể hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Chất lượng giáo dục đang là vấn đề được các cơ sở giáo dục và toàn xã hội quan tâm. Trong những năm gần đây, cùng với đà phát triển kinh tế xã hội giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục Điện Biên nói riêng đã đạt được những thành tựu quan trọng. Hệ thống mạng lưới trường lớp và quy mô giáo dục phát triển nhanh và bền vững. Các cấp học được phủ kín đến các bản làng, các xã vùng xa và vùng cao biên giới, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của con em đồng bào, nhân dân các dân tộc và nâng cao được trình độ đào tạo, kỹ năng nghề nghiệp của người lao động. Giáo dục đã khắc phục được sự thiếu công bằng xã hội, tạo điều kiện cho mọi người đều có quyền được học tập và học tập suốt đời, trong tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, các đối tượng chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn. Bình đẳng xã hội đặc biệt bình đẳng giới cơ bản được quan tâm chú trọng. Chất lượng giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên, góp phần

đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quản lý giáo dục trong các nhà trường có bước chuyển biến tích cực, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng nhanh về số lượng, trình độ, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Cơ sở vật chất - trang thiết bị của hệ thống giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư và từng bước hiện đại hoá, chuẩn hóa. Xã hội hoá giáo dục và hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, theo hướng mở rộng quan hệ giao lưu hội nhập có định hướng và đạt được những kết quả nhất định. Công bằng trong giáo dục được Đảng và Nhà nước quan tâm, nhiều chính sách về giáo dục của Đảng và Nhà nước được ban hành: Giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; Giáo dục cho người nghèo và học sinh nghèo được hỗ trợ chi phí cho học tập, học sinh nghèo học sinh dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn được miễn giảm học phí, được cung cấp sách giáo khoa vở viết và đồ dùng học tập; được hỗ trợ gạo và tiền ăn, tiền trọ trong và ngoài trường học hàng tháng...). Đã tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên có đủ điều kiện tối thiểu để tham gia học tập, góp phần đáng kể vào cải thiện chất lượng giáo dục nước nhà nói chung và chất lượng vùng cao vùng đặc biệt khó khăn nói riêng, đã rút ngắn sự chênh lệch về nhận thức, khoảng cách giáo dục giữa các vùng miền: Giữa miền xuôi và miền núi, giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng thuận lợi với vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Trong đó điển hình là đề án mô hình các trường PTDT nội trú, các trường phổ thông dân tộc bán trú bao gồm: Tiểu học, THCS; các trường THPT công lập có từ 40 - 60% học sinh của nhà trường ở bán trú tại trường do gia đình ở xa với cách trường khoảng cách trên 10 km đã bước đầu mang lại hiệu quả giáo dục toàn diện, phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị tại các địa phương là đào tạo đạo tạo nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số tại chỗ có chất lượng.

Tuy nhiên giáo dục và đào tạo hiện nay bộc lộ những yếu kém, bất cập trong đó có những vấn đề gây bức xúc xã hội kéo dài, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Cụ thể: Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu; Những đòi

mới giáo dục trong thời gian qua thiếu đồng bộ, còn chấp vá; Nhiều chính sách, cơ chế, giải pháp về giáo dục đã từng có hiệu quả, nay trở nên không còn phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước; Chương trình giáo dục còn coi nhẹ thực hành, vận dụng kiến thức; phương pháp giáo dục, kiểm tra, thi và đánh giá lạc hậu, thiếu thực chất; thiếu gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Hệ thống giáo dục thiếu tính liên thông, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Chưa gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém, là nguyên nhân của nhiều yếu kém khác. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, vi phạm đạo đức nhà giáo; Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; Tình trạng học sinh bỏ học vẫn diễn ra khá phổ biến, những trường vùng sâu, vùng xa số học sinh đi học xa nhà không có sự quản lý của phụ huynh, của gia đình ngoài giờ học khá nhiều dẫn đến công tác phối hợp để cùng giáo dục học sinh giữa gia đình và nhà trường chưa hiệu quả, gia đình chưa quan tâm đến học sinh, một bộ phận học sinh trong độ tuổi đến trường ở các trường THPT công lập vẫn chưa tiếp cận đạt được chất lượng giáo dục ở mức độ chuẩn tối thiểu... Các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cấp cho học sinh con em đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế khó khăn sử dụng chưa hiệu quả, không đúng mục đích, gây thất thoát, lãng phí, hiệu quả thấp.

Trường Trung học Phổ thông Mường Nhà huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên là trường THPT công lập có nhiệm vụ giáo dục và đào tạo cán bộ nguồn địa phương tại chỗ cho con em các dân tộc hai huyện Điện Biên và Điện Biên Đông. Bên cạnh các nội dung giáo dục khác, nhà trường rất quan tâm đến công tác quản lý học sinh bán trú tại trường, đây là một vấn đề quan trọng được nhà trường quan tâm, góp phần không nhỏ vào sự thành công trong sự nghiệp giáo dục chung của nhà trường.

Công tác quản lý học sinh nội trú trong nhà trường hiện nay chưa toàn diện, chưa hệ thống, chưa phù hợp thực tế và chưa đáp ứng yêu cầu của Đảng và Nhà nước. Để giáo dục phổ thông, đặc biệt là giáo dục THPT cho học sinh dân tộc thiểu số đạt được mục tiêu theo tinh thần đổi mới đặc biệt là đạt được mục tiêu nâng cao năng lực phẩm chất người học trong mỗi nhà trường thì việc nghiên cứu tìm ra quy trình, biện pháp quản lý học sinh bán trú phù hợp với định hướng đổi mới là vô cùng quan trọng. Từ khi thành lập cho đến nay, dưới sự chỉ đạo gián tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, chi bộ Đảng, Trường THPT Mường Nhà đã có nhiều đổi mới trong công tác quản lý học sinh bán trú, tuy nhiên kết quả thu được vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng công tác quản lý học sinh bán trú trong Trường THPT Mường Nhà huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhằm đề xuất các biện pháp quản lý đồng bộ có tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế là hết sức cần thiết. Xuất phát từ những lý do trên tác giả chọn đề tài SKKN: **“Quản lý học sinh bán trú ở trường THPT Mường Nhà huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên”** làm nội dung nghiên cứu.

B. PHẠM VI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng số học sinh bán trú của nhà trường trong 2 năm học gần đây.

Tập chung nghiên cứu các biện pháp quản lý học sinh bán trú ở trường THPT Mường Nhà huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khả thi. Trên cơ sở có đối chiếu với một số trường THPT có học sinh bán trú trên địa bàn huyện Điện Biên tương đồng về điều kiện: THPT Nà Tấu, THPT Thanh Nưa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

C. NỘI DUNG SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

I. Thực trạng giải pháp đã thực hiện

Trường THPT Mường Nhà huyện Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 58/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. Nhà trường đóng chân trên địa bàn xã Mường Nhà vùng cao, biên giới, học sinh đa số ở xa trường học, điều kiện kinh tế xã hội, trình độ dân trí thấp, đời sống của nhân dân còn

nhieu khó khăn, đa số phụ huynh học sinh chưa ý thức được vai trò quan trọng của giáo dục. Là trường THPT hệ công lập thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh học sinh THCS của 6 xã Mường Nhà, Na Tông, Mường Lói, Phu Luông, Pú hồng, Núa Ngam. Do vị trí địa lí của các xã đều cách xa nhà trường do vậy học sinh đến học đa số phải trọ học trong và ngoài nhà trường. Hiện tại trường có trên 65% học sinh thuộc diện bán trú, trong đó ở bán trú tại trường là 187 học sinh.

Năm học 2014-2015 trường có quy mô 14 lớp với 390 học sinh 98,4% học sinh chủ yếu là con em dân tộc thiểu số như: H'mông 40.3%, Thái 34.4%, Lào 13.1%, Khơ Mú 10.0%. Tổng số cán bộ giáo viên của nhà trường 43 đồng chí trong đó: Cán bộ quản lý 3 đồng chí, giáo viên 34 đồng chí, nhân viên 6 đồng chí. Nhà trường hiện có 20 phòng lớp học, 14 phòng công vụ. Khu bán trú với 17 phòng ở, 01 bếp ăn và đầy đủ công trình phụ trợ đi kèm.

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chế độ chính sách hỗ trợ cho học sinh diện chính sách về gạo và tiền ăn hàng tháng nhằm tháo gỡ khó trước mắt, đồng thời duy trì sĩ số và sự chuyên cần của học sinh. Tuy nhiên tỷ lệ học sinh bỏ học chiếm tỷ lệ khá cao, số học sinh được hỗ trợ gạo và tiền ăn đã không sử dụng đúng mục đích phục vụ cho học tập, gây lãng phí, không mang lại hiệu quả. Trước thực trạng trên nhà trường đã quyết liệt chỉ đạo Ban quản lý học sinh bán trú đề ra các biện pháp cụ thể như sau:

Một là: Tăng cường đầu tư, cải tạo sửa chữa CSVC, thiết bị, cảnh quan khu nội trú.

Ưu điểm: Hoàn thành quét vôi ve nhà ở, tường bao, nhà bếp, nhà vệ sinh khu nội trú. Sửa chữa bảo dưỡng toàn bộ hệ thống cửa chính, cửa sổ nhà nội trú 5 gian theo chương trình dự án THPT. Láng lại toàn bộ sân bê tông, sân giềng, làm mới hệ thống bi ô ga xử lý chất thải nhà vệ sinh, làm mới hệ thống dây phơi, giá treo quần áo, đầu tư hệ thống khay i nóc phục vụ bữa ăn học sinh hàng ngày.

Khuyết điểm: Việc hướng dẫn học sinh tham gia sửa chữa cải tạo chưa đảm bảo thẩm mỹ, hệ thống thép gai chưa đảm bảo an toàn, bồn hoa cảnh quan chưa đảm bảo.

Hai là: Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động quản lý học sinh bán trú năm học, xây dựng nội quy, phân công nhiệm vụ, phổ biến đến mọi người.

Ưu điểm: Có kế hoạch, nội quy đầy đủ, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đã phổ biến tới mọi người.

Nhược điểm: Kế hoạch chưa sát thực tế, còn hình thức.

Ba là: Tổ chức chỉ đạo điều hành các hoạt động thực tiễn tại khu nội trú: Thể dục buổi sáng, thực hiện nề nếp giờ giấc, vệ sinh cá nhân, hoạt động căng tin, cải thiện đời sống, quản lý thời gian tự học của học sinh.

Ưu điểm: Được triển khai duy trì được mọi mặt phong trào thành nề nếp.

Nhược điểm: Cách thức triển khai chưa phong phú, tác động chưa làm cho mọi học sinh tự giác.

Bốn là: Kiểm tra giám sát, đánh giá nhận xét hoạt động công tác bán trú hàng tháng.

Ưu điểm: Đã thực hiện kiểm tra định kỳ thường xuyên, kiểm tra đột xuất phòng ở của học sinh từ đó có đánh giá giáo dục học sinh trong việc thực hiện nề nếp ý thức tại tập thể.

Nhược điểm: Sau kiểm tra chưa xử lý triệt để còn để tồn đọng kéo dài tính giáo dục chưa được phát huy tác dụng tức thời.

Tuy nhiên công tác quản lý học sinh nội trú nhà trường trong những năm học qua chưa toàn diện, chưa hệ thống, chưa phù hợp thực tế và chưa đáp ứng yêu cầu của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình thực hiện các biện pháp đã nêu có những thuận lợi khó khăn cơ bản sau:

1. Thuận lợi

Đảng và Nhà nước tiếp tục có nhiều chính sách hỗ trợ cho Ngành Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là chính sách đối với học sinh là con em người dân tộc.

Công tác bán trú được ngành Giáo dục Điện Biên quan tâm triển khai mạnh mẽ đồng bộ tới các cấp học trong toàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của tỉnh nhà.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, đầu tư CSVC cho khu bán trú đáp ứng nhu cầu bố trí 200 chỗ ở cho học sinh ở xa về trọ học tại trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý mạnh dạn đổi mới, giáo viên trẻ khỏe tâm huyết yêu nghề, học sinh đa số ngoan, trung thực.

2. Khó khăn

Hầu hết học sinh của trường là con em đồng bào các dân tộc thiểu số, sống ở khu vực kinh tế xã hội chậm phát triển, dẫn đến nhận thức của học sinh, phụ huynh học sinh hạn chế. Học sinh người dân tộc giao tiếp hạn chế, rất thích cuộc sống tự do không ai quản lý, thường tự ý ra khỏi nội trú mà không xin phép nhà trường.

Thiếu CSVC, phòng ở chưa đáp ứng nhu cầu của học sinh hiện có. Việc quản lý nề nếp vệ sinh, sinh hoạt, ngủ nghỉ buổi trưa, buổi tối rất phức tạp, đặc biệt quan hệ nam nữ, việc đảm bảo an ninh trật tự khu vực nội trú.

Chế độ bồi dưỡng cho giáo viên tham gia quản lý học sinh bán trú không có chủ yếu làm việc trên tinh thần trách nhiệm. Chế độ cấp phát tiền, gạo cho học sinh triển khai chậm, chưa kịp thời gây khó khăn cho nhà trường trong việc tổ chức bữa ăn hàng ngày.

Sự quan tâm phối hợp của phụ huynh học sinh tới học sinh còn rất hạn chế, còn tồn tại nhiều phong tục tập quán lạc hậu, một bộ phận phụ huynh học sinh, học sinh ỷ lại trông chờ vào chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, phó mặc cho nhà trường.

Học sinh người H'mông luôn sống cục bộ, tự ty, tự kỷ, tự ái cao, mọi vấn đề bất đồng không thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không thể giải quyết được, tìm lá ngón để giải quyết bế tắc.

Với những thuận lợi khó khăn như trên, việc quản lý học sinh bán trú chặt chẽ đúng chủ trương của ngành là hoạt động quan trọng có ý nghĩa thiết thực cấp bách nhằm duy trì sĩ số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương. Cá nhân xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau đây.

II. Nội dung của giải pháp

1. Tuyên truyền vận động tới cán bộ giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh, chính quyền địa phương cho con em học sinh vào ở bán trú tại trường.

Mục tiêu biện pháp: Trước bối cảnh học sinh ở trọ ngoài trường tự do tự tại khá đông, không có sự quản lý của gia đình, nhà trường và xã hội. Mặt khác học sinh ở trọ ngoài trường các điều kiện phòng ở, điện nước, an ninh không đảm bảo, nhiều tệ nạn xã hội, ma túy, quan hệ nam nữ đã và đang xâm lấn tác động đến học sinh. Vì vậy cần phải có hình thức vận động tuyên truyền nhằm làm cho phụ huynh, chính quyền địa phương và học sinh nâng cao nhận thức về lợi ích của việc đưa học sinh trọ học ngoài trường vào ở trong khu nội trú dưới sự quản lý của nhà trường để tránh các tiêu cực xã hội. Giúp học sinh có điều kiện môi trường học tập tốt hơn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đời sống vật chất tinh thần, rèn sống kỹ năng trong tập thể bán trú.

Nội dung và cách thức tiến hành:

Thông nhất chủ trương kế hoạch tuyên truyền vận động của nhà trường, triển khai phổ biến đồng bộ tới giáo viên chủ nhiệm, tới gia đình PHHS và chính quyền địa phương các xã trong khu vực.

Tổ chức họp PHHS để triển khai kế hoạch chủ trương của nhà trường, bàn bạc thống nhất nội dung cách thức hoạt động. Phân tích cho PHHS nhận thức rõ những mặt xấu, tác hại của việc học sinh trọ ngoài không có người quản lý và những lợi ích của học sinh trong khu bán trú: Điều kiện CSVC, an ninh, tổ chức đời sống, đi học chuyên cần, có sự quản lý của nhà trường, chi phí tiết kiệm.

Tổ chức cho học sinh làm đơn đăng ký vào ở bán trú có xác nhận của gia đình phụ PHHS về việc phối kết hợp cam kết thực hiện.

Cách thức tiến hành:

Phương châm vận động tối đa số học sinh diện bán vào ở tại trường đặc biệt quan tâm ưu tiên đối tượng học sinh 12, Biên chế tối đa số học sinh vào các ở phòng (phòng nhỏ 8 học sinh, phòng lớn 14 học sinh), tránh được các tác động xấu của xã hội tới học sinh, quản lý sử dụng hiệu quả các chế độ chính sách hỗ trợ tiền, gạo đúng mục đích phục vụ cuộc sống hàng ngày của học sinh.

Xây dựng hệ tiêu chuẩn, tiêu chí xét được vào ở nội trú: Gia đình khó khăn, ở cách xa trường từ 10 km trở lên, học sinh nữ...

Chuẩn bị soạn thảo các mẫu đơn theo mẫu có ký cam kết của gia đình phụ huynh học sinh.

Công khai các khoản đóng góp bắt buộc nếu ở trong nội trú.

Các điều kiện thực hiện:

Thông qua họp giao ban, họp cơ quan, họp PHHS, làm việc với chính quyền địa phương trong dịp tuyên truyền tuyển sinh cuối tháng 3, đầu tháng 8.

Cử cán bộ giáo viên tham gia đến các điểm bản tuyên truyền vận động.

Làm tốt mối quan hệ giữa lãnh đạo nhà trường với chính quyền các xã, trưởng bản già làng đây là lực lượng tuyên truyền gián tiếp, hiệu quả.

2. Kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động, ban hành nội quy, quy chế làm việc phù hợp với thực tế đơn vị.

Mục tiêu của biện pháp: Trên cơ sở vận động được học sinh vào ở tại nội trú cần có tổ chức bộ máy hoạt động và các cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức quản lý học sinh bán trú ở các mặt công tác theo quy định. Xây dựng cơ chế vận hành của ban quản lý học sinh bán trú phù hợp với đặc điểm của nhà trường. Thống nhất quan điểm, chủ trương cách thức tổ chức hoạt động của ban quản lý học sinh bán trú. Huy động nguồn kinh phí để tổ chức duy trì hoạt động.

Nội dung và cách thức thực hiện:

Thành lập ban quản lý học sinh bán trú; thực hiện phân công nhiệm vụ, giao trách nhiệm cho từng thành viên. Phân công nhiệm vụ phụ trách 5 tiểu ban công tác và quy định nhiệm vụ của từng tiểu ban: Tiểu ban tiếp nhận bố trí sắp xếp chỗ ở và tổ chức dọn dẹp vệ sinh; Tiểu ban đời sống tổ chức bữa ăn cho học sinh; Tiểu ban quản lý hoạt động tự quản ngoài giờ lên lớp; Tiểu ban lao động tăng gia cải thiện đời sống; Tiểu ban an ninh xung kích.

Xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với đặc điểm tình hình, sát với nhiệm vụ của nhà trường, của địa phương, phù hợp với đặc điểm học sinh người dân tộc;

Ban hành nội quy nội trú, nề nếp, giờ giấc, quy chế hoạt động thống nhất triển khai đồng bộ tới GV, HS, PHHS, ký cam kết thực hiện;

Về chế độ chế độ hội họp định kỳ ban nội trú giao ban 1 lần/tuần, họp đánh giá công tác tháng trước triển khai kế hoạch tháng sau 1 lần/tháng.

Các điều kiện tiên hành:

Về con người ban quản lý học sinh bán trú đảm bảo đầy đủ các thành phần(01 phó hiệu trưởng, 01 đoàn thanh niên, 01 công đoàn trưởng, 02 NV bảo vệ, 01 y tế, các giáo viên chủ nhiệm các lớp).

Về cơ sở vật chất chuẩn bị và đảm bảo đầy đủ phòng ở đủ thiết bị giường tầng, hệ thống điện chiếu sáng, nhà bếp, bể nước, nhà tắm, nhà vệ sinh với đầy đủ các thiết bị phục vụ đảm bảo ăn uống sinh hoạt cho 200 học sinh.

Về kinh phí: Huy động kinh phí đóng góp từ nhân dân đóng để duy trì mọi hoạt động của ban quản lý nội trú: Sửa chữa, đầu tư thiết bị phục vụ học sinh, chi nhân công tổ chức nấu cơm. Dự kiến 100.000 đ/học sinh/ năm học; duy trì bữa ăn hàng ngày từ 8.000đ đến 10.000 đ/bữa.

3. Quản lý học sinh bán trú theo các hoạt động đặc thù

3.1. Quản lý tiếp nhận, sắp xếp bố trí chỗ ở cho học sinh

Mục tiêu của biện pháp: Xem xét tiếp nhận nhu cầu đăng ký chính đáng của học sinh, sắp xếp bố trí chỗ ở cho học sinh phải đảm bảo khoa học, hợp lý có tính quy luật, ít gây sáo trộn trong năm học. Việc sắp xếp cần tính toán đan xen các dân tộc theo lớp, khối, theo bản, theo anh em họ hàng, phân tách khu nam nữ riêng. Tránh cục bộ địa phương, gây mất đoàn kết các dân tộc. Tất cả các phòng ở được sắp xếp bố trí sắp xếp kê giường hình chữ U, có quy định sơ đồ phòng nghỉ, có quy định vệ sinh phòng ở cụ thể.

Nội dung và cách thức thực hiện:

Biên chế số lượng: Mỗi phòng nhỏ sắp xếp 5 giường tầng loại 2m x 0,9 m = 10 học sinh, mỗi phòng to sắp xếp 8 giường tầng loại 2 m x1,2 m = 16 học sinh.

Công tác tổ chức: Mỗi phòng được biên chế 01 trưởng phòng, 02 phó phòng, có nội quy phòng ở, có sơ đồ danh sách học sinh ngủ theo giường đã bố

trí sắp xếp, có lịch vệ sinh hàng ngày, vệ sinh khu vực công cộng, tham gia cải thiện đời sống.

Các phòng phải đảm đầy đủ các vật dụng dùng chung (chổi chít, chổi rế, xô múc nước, chổi lau nhà, giá để giày dép) và đồ dùng cho cá nhân.

Dựa trên cơ sở số lượng đăng ký thực tế, ban quản lý học sinh bán trú thực hiện sắp xếp chỗ ở theo thứ tự ưu tiên hết khối 12 đến khối 11 và khối 10 theo từng phòng, theo lớp để tiện cho việc trao đổi học tập, quản lý học sinh.

Nguyên tắc sắp xếp phòng nam, nữ riêng đảm bảo mỗi phòng có tối thiểu từ 3 dân tộc trở lên nhằm xây dựng môi trường phòng ở đa văn hóa học sinh các dân tộc khác nhau sẽ tự hòa đồng thích nghi với phong tục tập quán riêng mỗi dân tộc, để từ đó có những ứng xử cuộc sống phong phú đa dạng không cục bộ địa phương.

Quá trình sắp xếp cần chú ý xếp học sinh người H'mông tầng trên, các dân tộc thái, khơ mú xếp tầng dưới do đặc tính người dân tộc H'mông thường ăn ở sạch sẽ, thích không gian riêng, có tính cục bộ, người dân tộc Khơ mú ăn ở lồi thối luộm thuộm, người dân tộc thái bừa bãi vô tổ chức, tự tiện.

Cần có quy định, quy cách cách thức hướng dẫn học sinh sắp xếp quần áo, sách vở, cách thức gấp chăn màn ngay từ ngày đầu mới vào để tạo ra thói quen nề nếp trong khu nội trú.

Thực hiện đúng quy định về việc vệ sinh thân thể cá nhân, vệ sinh phòng ở ngày 2 lần, lau phòng, quét màng nhện 01 lần/tuần.

Kiểm tra việc ngủ nghỉ, sắp xếp tư trang cá nhân 1 lần/ tuần.

Các điều kiện tiến hành:

Tổng số phòng là 17 phòng biên chế tối đa là : 206 chỗ ở (trong đó 11 phòng nhỏ x 10 = 100 hs, 6 phòng to x 16 = 96 học sinh).

Học sinh tham gia vào ở bán trú trong trường phải có đơn đăng ký hợp lệ ngoài chữ ký của học sinh còn có ý kiến đề nghị của gia đình, có ký xác nhận và đóng dấu của trưởng ban quản lý nội trú.

Học sinh vào ở phải chuẩn bị chăn màn, chiếu, Hòm sắt, tư trang cá nhân bao gồm sách vở, quần áo, dày, dép, mũ, ô, móc áo, xô chậu, khay, thìa, đũa...

Thực hiện đóng góp các khoản chi phí chung ban đầu: Tiền đặt cọc bảo đảm giao CSVC phòng ở, sửa chữa, mua sắm các thiết bị, vật dụng phục vụ đời sống: Dự kiến khoản 400.000 đ/năm.

3.2. Quản lý hoạt động ăn uống tại căng tin

Mục tiêu biện pháp: Đảm bảo tiết kiệm kinh tế cho gia đình, ăn uống đảm bảo đủ dinh dưỡng, học sinh có nhiều thời gian dành cho học tập, các hoạt động tập thể, phát huy được hiệu quả. Khai thác sử dụng đúng mục đích nguồn gạo, tiền được Chính phủ cấp cho sinh bán trú. Đồng thời giáo dục cho học sinh kỹ năng ăn uống sinh hoạt tập thể, rèn kỹ năng trải nghiệm, tập chế biến các món ăn tham gia hỗ trợ nhà trường trong quá trình tổ chức đời sống bán trú. Qua đó, từng bước xây dựng mô hình căng tin an toàn thực phẩm, giá cả hợp lý, đảm bảo dinh dưỡng góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho học sinh bán trú, xây dựng trường học phát triển vững mạnh, thực sự trở thành mái nhà chung của con em các dân tộc các xã vùng cao, thấp sáng niềm tin và ước mơ cho các em học sinh ở vùng đất khó khăn.

Nội dung và cách thức thực hiện:

Đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm ở bếp ăn tập thể trong trường học Tiểu ban quản lý hoạt động ăn uống tại căng tin cần quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công việc sau: Vệ sinh an toàn thực phẩm và những điều kiện có liên quan; Các biện pháp vệ sinh phòng nhiễm bẩn thực phẩm(Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường, Vệ sinh dụng cụ chế biến Dao, thớt, đũa, thìa, tiếp xúc với thực phẩm sống và chín, Vệ sinh dụng cụ ăn uống được rửa sạch); Kiểm soát quá trình chế biến; Kiểm tra sức khỏe và cân nặng định kỳ cho học sinh; Cung cấp kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho cấp dưỡng, giáo viên và các em học sinh trong nhà trường.

Xây dựng 10 nguyên tắc vàng về vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân viên cấp dưỡng, giáo viên và 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho phụ huynh và nhân dân cần biết.

Triển khai đăng ký xuất ăn theo thực tế điều kiện gia đình từ tối ngày chủ nhật đến hết trưa ngày thứ 7. Công việc trên được GVCN tổ chức thực hiện cho

học sinh đăng ký mức ăn, nộp tiền, ký tên vào danh sách . BQLNT sẽ tiến hành làm vé ăn phát cho GVCN công việc này được thực hiện trong giờ sinh hoạt tuần hiện tại.

Tổng hợp biên chế số lượng xuất ăn cho 180 học sinh, được biên chế thành 30 mâm, mỗi mâm 06 học sinh.

Chuẩn bị thực phẩm: Gạo dự kiến 2-4 tấn mua trước dự trữ trong kho, thực phẩm khô, tươi, rau đặt hàng theo phiếu báo hàng ngày.

Công tác tổ chức: Tiểu ban quản lý hoạt động ăn uống tại căng tin gồm 01 trưởng tiểu ban là kế toán 01 phụ trách quản lý nhập kho, xuất kho: Gạo, thực phẩm, gia vị; 01 nhân viên y tế làm bếp trưởng, 01 nhân viên phục vụ, 01 thủ quỹ, 05 học sinh hỗ trợ luân phiên theo tuần.

Niêm yết công khai khẩu phần ăn tại bếp ăn để học sinh và ban quản lý theo dõi giám sát, kiểm tra và chấn chỉnh.

Mức ăn 10.000 đ/ xuất			Mức ăn 8.000 đ/ xuất		
STT	Nội dung	Giá cả	STT	Nội dung	Giá cả
1	Gạo: 0,25 kg	2500 đ	1	Gạo: 0,25 kg	2500 đ
2	Đậu thịt, trứng.	3500 đ	2	Đậu thịt, trứng.	2000 đ
3	Rau	1000 đ	3	Rau	500 đ
4	Gia vị	1000 đ	4	Gia vị	1000 đ
5	Công nấu	2000 đ	5	Công nấu	2000 đ
		10.000 đ			8.000 đ

Thời gian thực hiện nấu cơm tại căng tin hàng tuần từ bữa tối ngày chủ nhật, đến hết trưa ngày thứ bảy với tổng cộng 12 bữa. Sáng thực hiện từ 8 giờ - 10 giờ 30 phút, chiều thực hiện từ 15 giờ 30 phút -17 giờ.

Thực hiện chia cơm từ: Trưa từ 10 giờ 30 đến 11 giờ 15, Chiều từ 18 giờ - 18 giờ 30 phút.

Tổ chức cho học sinh ăn cơm Trưa từ 11giờ 15 phút - 11 giờ 45 phút Chiều từ 18 giờ 30 phút – 19 giờ.

Tổ chức dọn dẹp căng tin Trưa từ 11 giờ 45 phút - 12 giờ 15, Chiều từ 1 giờ -19 giờ 30 phút.

Ban quản lý học sinh bán trú tổ chức lấy củ hàng tuần luân phiên theo lớp.

Thực hiện việc góp gạo ban đầu để duy trì bữa ăn cho học sinh khi chưa được cấp phát gạo, tiền theo chế độ: 15kg gạo/tháng + 330.000 đ đến 360.000 đ đ/tháng, (sau khi có chế độ hỗ trợ gạo và tiền của Chính phủ Ban quản lý học sinh bán trú sẽ thực hiện khấu trừ theo quy định).

Bộ phận kế toán, thủ quỹ thực hiện quyết toán rút điểm từng tuần.

Quy trình thực hiện quản lý hoạt động ăn uống tại căng tin được tiến hành theo 6 bước sau đây:

Bước 1: Tiết 5 ngày thứ 7 GVCN tổ chức đăng ký mức ăn, lập 02 niên danh sách đăng ký ăn cơm của lớp chủ nhiệm cho BQLNT ký duyệt tổng hợp, phát vé ăn cho học sinh (nộp thủ quỹ tiền ăn và 01 niên , 01 niên giữ lại để theo dõi bữa ăn học sinh lớp chủ nhiệm).

Bước 2: Thủ quỹ tổng hợp báo cáo trưởng ban nội trú, thông báo số lượng cho Trưởng tiểu ban căng tin để thực hiện nhập hàng, xuất kho theo định mức.

Bước 3: Đặt mua thực phẩm theo phiếu đặt hàng, nhập kho, xuất kho đủ số lượng theo định mức cho bếp trưởng.

Bước 4: Tổ chức nấu ăn, thực hiện theo giờ giấc đã quy định.

Bước 5: Tổ chức chia và cho học sinh ăn cơm Tiểu ban căng tin thực hiện chia sẵn thức ăn vào các khay, học sinh xếp hàng xuất trình thẻ, vé ăn hàng ngày và tự lấy cơm theo nhu cầu ăn của cá nhân (có sơ đồ chỗ ngồi theo lớp cụ thể kèm theo).

Bước 6: Tổ chức dọn dẹp sau khi ăn uống tại căng tin: Các cá nhân học sinh tự rửa khay đĩa, thìa của mình, nhóm học sinh được phân công trực tuần dọn dẹp rửa toàn bộ xoong nồi, bát to, dọn bàn mâm, rửa nền bếp.

Điều kiện tiến hành:

Có đủ CSVC diện tích bếp ăn: 160 m², Bàn ghế ăn cơm 30 bộ, khay I nóc 180 cái, bát to đựng canh 30 cái, Xoong nồi thiết bị đầy đủ, Điện, nước uống đảm bảo cho nhu cầu học sinh.

Kinh phí chi tiêu hàng ngày do thủ quỹ nhà trường xuất ứng tiền theo quy định đăng ký ăn thực tế.

Các nguồn thực phẩm đặt hàng đảm bảo tươi ngon rõ nguồn gốc, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và được chuyển đến tận nhà bếp.

Đũa ăn, thìa ăn do học sinh chuẩn bị và quản lý trước và sau khi ăn.

3.3. Quản lý hoạt động ngủ nghỉ

Mục tiêu biện pháp: Đảm bảo sức khỏe cho học sinh, quản lý chặt chẽ các mối quan hệ giữa học sinh nam và nữ, tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, hình thành cho học sinh thói quen nề nếp kỷ cương như quân đội.

Nội dung và cách thức thực hiện:

Thực hiện nghỉ đúng phòng và đúng giường theo sơ đồ đã quy định, các cá nhân ra vào khu nội trú, hoặc có người thân tới thăm phải báo cáo bảo vệ và trưởng ban nội trú biết. Mọi học sinh phải có mặt tại khu bán trú từ 18 chiều ngày chủ nhật, trường hợp đến muộn hoặc không đến được phải gọi điện báo cáo giáo viên chủ nhiệm.

Thời gian thực hiện nghỉ tối: 23 giờ 15 phút 05 giờ 30 phút.

Thời gian thực hiện nghỉ trưa: 12h 30- 13 giờ 15 phút.

Trong thời gian ngủ nghỉ tại khu nội trú phải đảm bảo giữ trật tự, nghiêm cấm việc sử dụng điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ nghỉ đêm và nghỉ trưa, nghiêm cấm việc đua, vận chuyển, lưu trữ văn hóa phẩm đồ trụy, tàng trữ ma túy chất cháy, chất nổ trong phòng ở. Nghiêm cấm việc mặc quần áo quá ngắn, hở hang phản cảm tại khu bán trú.

Thực hiện nghiêm túc tổ giác các cá nhân sai phạm quy định ngủ nghỉ tại khu bán trú.

Thực hiện gấp chăn màn theo hướng dẫn khi ngủ dạy buổi sáng và buổi trưa trước khi đi học.

Chịu sự kiểm tra đột xuất thường kỳ của ban nội trú trong thực hiện nề nếp tại phòng nghỉ.

Điều kiện thực hiện:

Trang bị chuông điện để đánh thức học sinh, trang bị đèn pin, dùi cui điện để tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh khu vực bán trú.

Trang bị hệ thống camera dọc các hành lang khu nội trú để kiểm soát việc thực hiện nề nếp ngủ nghỉ sinh hoạt của học sinh.

3.4. Quản lý hoạt động học tập

Mục tiêu biện pháp: Giúp học sinh tích lũy trang bị cho bản thân kiến thức, kỹ năng, vốn sống, nếu học tập hiệu quả và khoa học sẽ giúp con người trưởng thành nhanh hơn. Mặt khác kiểm soát mức độ nhận thức của học sinh, từ đó phân loại đối tượng học sinh để có biện pháp giúp đỡ kèm cặp bồi dưỡng học sinh cho phù hợp.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp:

Thông nhất với học sinh bán trú ngoài giờ học chính khóa, toàn bộ học sinh sẽ lên trên lớp tự học, làm bài tập, thảo luận tại lớp: Chiều từ 14 giờ - 17 giờ, tối từ 19 giờ 30 phút - 22 giờ 30 phút.

Triển khai, phổ biến, yêu cầu học sinh bán trú xây dựng thời gian biểu học tập cho cá nhân gián tại phòng nghỉ.

Biên chế học sinh bán trú thành 14 lớp học giống như học chính khóa được tổ chức thành 3 nhóm học sinh, mỗi nhóm gồm 3 loại đối tượng học sinh: Khá, TB, yếu để thảo luận kèm cặp lẫn nhau. Cụ thể

Lớp	A1	A2	A3	A4	A5	A6	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3	C4
SL	8	5	13	11	8	13	11	8	24	10	18	20	12	16

Thực hiện phân công người trực quản lý học sinh bán trú theo buổi luân phiên với thành phần 3 đ/c (trực lãnh đạo 01 đồng chí, trực quản lý học sinh 01 giáo viên, trực bảo vệ 01 đồng chí, 01 đ/c trực y tế).

Nhiệm vụ lãnh đạo nắm bắt giải quyết mọi tình hình hình học sinh giáo viên tham gia ca trực.

Bảo vệ: đảm bảo an ninh trường học trong giờ tự học và giờ tan học.

Giáo viên ca trực có nhiệm vụ điểm danh sự tham gia học tập của học sinh; hướng dẫn học sinh giải quyết vấn đề vướng mắc về câu hỏi, bài tập bộ môn mình phụ trách, giám sát quá trình học tập của toàn bộ học sinh, báo cáo và

xử lý kịp thời học sinh sai phạm: Mất trật tự, ngủ gật, sử dụng điện thoại, trêu gẹo học sinh nữ...

Đối với học sinh: Có mặt đúng thời gian quy định, ổn định nề nếp tham gia tự học hiệu quả, chủ động tranh thủ sự hướng dẫn của các giáo viên. Thực hiện nghiêm túc thời gian tự học từ 19h30 đến 22h30 có thời gian giải lao từ 21h00' - 21h15'.

Hoạt động tự học của học sinh có thể diễn ra ở mọi lúc mọi nơi, cứ khi nào người học huy động mọi khả năng nhận thức hiện có của mình, tiến hành các hoạt động tìm tòi, khám phá tự giác, đứng trước mọi hiện tượng của thế giới khách quan là khi đó họ đang tiến hành tự học.

Tự học là một hoạt động quan trọng đối với mỗi cá nhân học sinh, nó giúp cho con người Để quản lý hoạt động tự học buổi tối trên lớp của học sinh bán trú đạt hiệu quả và đi vào nề nếp, BQLNT đã tổ chức cách làm như sau:

Điều kiện thực hiện

Bố trí các phòng học đầy đủ điều kiện cho học sinh học tập: Ánh sáng, quạt điện.

Giáo viên chủ nhiệm chủ động phân nhóm học sinh kèm cặp lẫn nhau, đồng thời lên sơ đồ chỗ ngồi để tiện cho giáo viên kiểm soát theo dõi.

Ban quản lý nội trú cần trích ra một khoản kinh phí huy động đóng góp từ PHHS để chi trả chế độ bồi dưỡng cho giáo viên tham gia trực: 50.000đ/ buổi trực.

3.5. Quản lý học sinh bán trú tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Mục tiêu của biện pháp: Giúp học sinh phát triển một cách toàn diện, ngoài học tập, rèn luyện đạo đức, cần chú trọng rèn kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động: VHVN, TDTT, lao động vệ sinh bảo vệ môi trường, tăng gia cải thiện đời sống, tham gia cuộc thi và phòng chống các tệ nạn xã hội, tổ chức ẩm thực tết dân tộc...

Nội dung và cách thức thực hiện

Tổ chức dọn dẹp vệ sinh phòng ở thường xuyên, vệ sinh công cộng và xử lý chất thải. Thông qua việc xây dựng hệ thống bình bioga xử lý chất thải từ nhà vệ sinh nam nữ khu nội trú nhằm tiết kiệm khí đốt phục vụ căng tin nội trú.

Thành lập các câu lạc bộ: VHVN, TDTT (bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, erobíc, khiêu vũ). Tổ chức các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bắn nỏ. Thành lập đội văn nghệ sinh hoạt văn nghệ 1 lần/ tháng.

Ngoài ra để giảm bớt chi phí cho đóng góp khẩu phần ăn, BQLNT còn tổ chức cho học sinh bán trú tham gia các buổi lấy củi tập chung, tham gia lấy sắt để rào vườn rau, tổ chức chăn nuôi lợn, nuôi cá, nuôi gà để cải thiện bữa ăn của các em hàng ngày.

Triển khai việc triết cây bưởi, cam nhằm giáo dục cho học sinh kỹ thuật triết ghép nhân giống tại vườn bưởi của một số gia đình học sinh, qua đó giáo dục nghề phổ thông cho học sinh ngay khi ngồi trên ghế nhà trường.

Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, nghiên cứu tính độc dược của cây lá ngón để học sinh có kiến thức độc dược, giáo dục học sinh biết tránh xa loại cây này khi gặp bế tắc trong cuộc sống không tìm nó để giải quyết.

Để học sinh có thêm thông tin, nâng cao hiểu biết xã hội BQLNT đã tham mưu với Hiệu trưởng lắp đặt hệ thống My Tivi tại căng tin phục vụ cho đời sống học sinh bán trú. Phát lại chương trình thời sự vào các buổi trưa khi tổ chức ăn cơm, hoặc cho các em xem phim vào các ngày cuối tuần. Đặc biệt khi có các chương trình trọng đại của đất nước được phát sóng truyền hình trực tiếp BQLNT đã kết nối máy chiếu để phục vụ nhu cầu thông tin cho các em học sinh, qua đó giúp giáo dục nâng cao hiểu biết, giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

Cuối tháng để đánh giá hoạt động tháng trước, triển khai kế hoạch tháng sau, BQLNT tiến hành họp học sinh toàn khu nội trú nhằm đánh giá những mặt làm được, chỉ ra những mặt tồn tại, những cá nhân chưa hoàn thành nhiệm vụ kể cả giáo viên và học sinh ở từng khối lớp để từ đó có biện pháp quản lý giáo dục hiệu quả hơn.

III. Khả năng áp dụng của các giải pháp

Hệ thống giải pháp trên có thể đưa ra áp dụng đối với các trường THPT có điều kiện tương đồng trong tỉnh với điều kiện có khu bán trú biệt lập: Các trường THPT Mường Luân, Chà Cang, Mùn Chung, Tủa Chùa, Tả Sìn Thàng, Búng Lao, Mường Chà.

Hiện nay nhà trường đã áp dụng giải pháp trên đối với học sinh bán trú.

IV. Hiệu quả lợi ích của giải pháp

Đối với nhà trường: Tạo dựng được phong trào bán trú có nề nếp trật tự, kỷ cương, tỷ lệ chuyên cần nâng lên, tỷ lệ bỏ học giảm giữa học sinh trong nội trú và bán trú, chất lượng giáo dục được cải thiện, được phụ huynh tin tưởng, chính quyền địa phương, lãnh đạo ngành ghi nhận.

Đối với giáo viên luôn ủng hộ nhà trường, đã thể hiện sự quan tâm tới học sinh sinh chủ nhiệm, thực hiện có trách nhiệm hơn đối với học sinh, đã làm tốt công tác tư vấn vận động học sinh và phụ huynh đưa học sinh trọ ngoài vào trong nội trú của trường.

Đối với học sinh: Đi học chuyên cần, chất lượng giáo dục chuyển biến, rèn được tính kỷ luật, nề nếp kỷ cương, các em được trải nghiệm tham gia nhiều hoạt động rèn kỹ năng sống khu tập thể, lối sống văn minh hơn, tiến bộ rõ nét, tránh xa được nhiều tệ nạn xã hội. Chất lượng cuộc sống đảm bảo.

Đối với gia đình học sinh: Đã ủng hộ chủ trương của nhà trường, quan tâm hơn đến học sinh, yên tâm tin tưởng gửi con em vào nội trú, tiết kiệm kinh tế chi tiêu cho học sinh.

Công tác quản lý cũng được thực hiện một cách khoa học, bài bản và thực tế hơn. Nâng cao vai trò trách nhiệm của CBQL, GV, NV, HS, PHHS đối với công tác giáo dục

V. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp

Sáng kiến này có thể áp dụng cho trường THPT Mường Nhà cũng như tất cả các mô hình trường học khác. Đối tượng sử dụng có thể là các cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên, phụ huynh và học sinh.

VI. Kiến nghị đề xuất

1. Đối với trường THPT Mường Nhà.

Tích cực vận động tuyên truyền đề CBQL, GV, NV, HS, PHHS, chính quyền địa phương nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm, quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết trong cơ quan, khích lệ giáo viên đóng góp nhiều sáng kiến mới về quản lý học sinh bán trú.

Thực hiện khai thác xự dụng hiệu quả CSVC, Thiết bị, đội ngũ hiện có, phát huy nội lực, tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của Sở GD&ĐT, huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia với nhà trường, tích cực thực hiện xã hội hóa để đầu tư CSVC phục vụ công tác bán trú.

Duy trì và phát triển mô hình căng tin bền vững, mở rộng nhu cầu phục vụ cho học sinh, đẩy mạnh tăng gia cải thiện đời sống, giáo dục cho học sinh kỹ năng trải nghiệm thực tiễn.

2. Đối với ngành GD&ĐT

Tăng cường đầu tư, xây dựng CSVC, trang thiết bị giai đoạn II như: Các phòng học chức năng, nhà hiệu bộ để có nơi làm việc đàng hoàng, có thể tổ chức được các hoạt động thực hành, thí nghiệm ở phong học chức năng đạt chuẩn.

Tham mưu với UBND tỉnh triển khai việc cấp tiền, gạo hỗ trợ cho học sinh một cách kịp thời tối thiểu 2 lần vào đầu tháng 9 và đầu tháng 2 hàng năm, để các trường có thể tổ chức đời sống cho học sinh bán trú được đảm bảo.

Tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên của nhà trường được tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm tại các tỉnh miền xuôi, tại các trường có mô hình nội trú điển hình.

3. Đối với chính quyền địa phương.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hoá giáo dục, phát huy vai trò của hội đồng xét duyệt chế độ chính sách cho nhân dân liên quán đến giáo dục của địa phương.

Kết hợp các ban ngành đoàn thể trong xã về công tác tuyên truyền vận động nhân dân. Đảm bảo an ninh khu vực nội trú của các nhà trường được tốt nhất.

Trên đây là nội dung sáng kiến kinh nghiệm của cá nhân, bản thân đã đề cập nghiên cứu quản lý học sinh bán trú phù hợp với thực tế đơn vị, chẵn chẵn còn những biện pháp chưa nghiên cứu, kính mong độc giả, các bạn đồng nghiệp

Hội đồng thẩm định SKKN ngành GD&ĐT đóng góp ý kiến bổ xung đề sáng kiến của cá nhân được hoàn thiện và được đưa vào áp dụng tại nhiều đơn vị trường học./.

Bảng 1: Kết quả vận động huy động học sinh vào ở bán trú tại trường.

Năm học	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Toàn trường
2013-2014	63	42	60	165
2014-2015	63	56	68	187

Bảng 2: Tỷ lệ học sinh bỏ học và đi học chuyên cần hàng ngày.

Năm học	TS học sinh	Bỏ học		Tỷ lệ chuyên cần %	Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ %		
2013 - 2014	460	79	17.2	89,2%	
2014 - 2015 (HK I)	450	36	8	94,3%	

Bảng 3: Kết quả rèn luyện xếp loại hạnh kiểm học sinh

STT	Năm học	Xếp loại hạnh kiểm (%)				Xếp loại hạnh kiểm từ khá trở lên (%)	Ghi chú
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	2013-2014	55.4	28.3	13.9	2.4	83.7	
2	2014-2015 HKI	44.9	35.0	16.2	3.9	80.6	

Bảng 4: Kết quả rèn luyện xếp loại văn hóa học sinh.

STT	Năm học	Xếp loại văn hóa (%)						HSG đạt giải	Tỷ lệ chuyển lớp
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Từ TB trở lên		
1	2013-2014	0.0	27.6	53.5	18.1	0.8	81.1	9	94.8
2	2014-2015 HKI	0.5	21.7	48.1	28.3	1.4	70.3	8	

Bảng 5: Kết quả học sinh sinh tốt nghiệp của nhà trường trong 3 năm học.

Năm học	Số học sinh	Tỷ lệ	Vượt so với	Vị trí xếp hạng
---------	-------------	-------	-------------	-----------------

	dự thi		tốt nghiệp (%)		mặt bằng toàn tỉnh (%)		so với các đơn trong tỉnh	
	GDPT	GDTX	GDPT	GDTX	GDPT	GDTX	GDPT	GDTX
2012-2013	100	21	99.0	90.4	4.81	26.93	5/28	4/14
2013-2014	88	29	98.9	100.0	0.8	12.7	3/28	1/14

Bảng 6: Kết quả học sinh giỏi cấp tỉnh

Năm học	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Toàn trường
2013-2014	0	4	5	9
2014-2015	3	2	3	8

Bảng 7: Kết quả rèn luyện xếp loại hạnh kiểm học sinh HKI năm học 2014-2015.

Học sinh trợ học	Xếp loại hạnh kiểm (%)				Xếp loại hạnh kiểm từ khá trở lên (%)	Ghi chú
	Tốt	Khá	TB	Yếu		
Trong NT	58,8	26,1	14,1	0	76,8	
Ngoài NT	51,4	33,0	18,9	0,6	80,6	

Bảng 8: Kết quả rèn luyện xếp loại văn hóa học sinh HKI năm học 2014-2015

STT	Học sinh trợ học	Xếp loại văn hóa (%)						HSG đạt giải	Tỷ lệ chuyển lớp
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Từ TB trở lên		
1	Trong NT	0	20,0	54,8	24,2	0	72,4	2	
2	Ngoài NT	0	21	47,0	33,3	1,3	68,1	0	